

Số: 166/BC-CT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT-KINH DOANH QUÍ I NĂM 2013

(Từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/03/2013)

A - CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THIẾT YẾU

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện quý I năm 2013	TH quý I 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2013	Thực hiện quý I năm 2012
I	CHỈ TIÊU CHỦ ĐẠO :						
1	Tổng giá trị cổ tức chi trả	Tr.đồng	2.413,02	4.773,00	574,88	12%	24%
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	28.730,45	154.049,40	31.745,78	20,6%	110,5%
	Trong đó :						
1	Doanh thu từ sản xuất-kinh doanh	Tr.đồng	28.711,97	153.999,40	31.740,79	20,6%	110,5%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	18,48	50,00	4,99	10,0%	27,0%
III	THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC	Tr.đồng	1.191,67	4.008,00	982,15	24,5%	82,4%
1	Liên kết khai thác mặt bằng	Tr.đồng	1.157,00	3.858,00	964,50	25,0%	83,4%
2	Thanh lý tài sản	Tr.đồng	0,00	50,00	0,00	0,0%	
3	Thu nhập khác	Tr.đồng	34,67	100,00	17,65	17,6%	50,9%
IV	TỔNG CHI PHÍ		26.433,70	140.754,40	27.671,46	19,7%	104,7%
1	Chi phí sản xuất kinh doanh		26.433,70	140.754,40	27.671,46	19,7%	104,7%
	Trong đó : Chi phí tài chính	Tr.đồng	1.406,63	3.600,00	270,07	7,5%	19,2%
2	Chi phí hoạt động khác	Tr.đồng	0,00	0,00	0,00		
V	GIÁ TRỊ HÀNG NHẬP KHẨU	1.000 USD	107,20	2.200,00	446,70	20,3%	416,7%
VI	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	3.488,42	17.303,00	5.056,47	29,2%	145,0%
1	Từ sản xuất - kinh doanh	Tr.đồng	2.278,27	13.245,00	4.069,33	30,7%	178,6%
2	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	18,48	50,00	4,99	10,0%	27,0%
3	Từ hoạt động khác	Tr.đồng	1.191,67	4.008,00	982,15	24,5%	82,4%

B - SỐ LƯỢNG VÀ DOANH THU CÁC MẶT HÀNG BÁN RA

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2012		Kế hoạch năm 2013		Thực hiện quý I năm 2013		TH quý I 2013 so với	
			Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng	Doanh thu (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện quý I năm 2012
A	TỔNG DOANH THU SXKD	Tr.đồng		28.711,97		153.999,40		31.740,79	20,61%	110,55%
B	SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM TIÊU THỤ									
1	Găng phẫu thuật các loại	1.000 đôi	4.147,5	19.217,7	22.782,0	100.316,0	4.631,1	20.318,8	20,25%	105,73%
	Găng phẫu thuật tiết trùng	1.000 đôi	2.942,9	14.945,2	16.500,0	77.353,0	3.290,1	15.575,6	20,14%	104,22%
	Găng phẫu thuật chưa tiết trùng	1.000 đôi	1.204,6	4.272,4	6.282,0	22.963,0	1.341,0	4.743,2	20,66%	111,02%
2	Condom các loại	1.000 cái	11.354,6	4.978,8	60.190,0	31.426,0	12.669,6	6.479,42	20,62%	130,14%
3	Găng kiểm tra các loại	1.000 đôi	1.096,5	1.660,9	8.570,0	11.998,0	2.183,1	3.148,31	26,24%	189,56%
4	Găng y tế cổ dài các loại	1.000 đôi	140,0	269,9	830,0	1.394,4	180,9	349,33	25,05%	129,42%
5	Nút Peni các loại	1.000 cái	5.830,0	1.558,3	24.705,0	6.501,0	4.944,0	1.331,25	20,48%	85,43%
	Tổng hợp	1.000 cái	1.610,0	566,3	7.600,0	2.649,0	1.424,0	497,83	18,79%	87,90%
	Tự nhiên	1.000 cái	4.220,0	991,9	17.105,0	3.852,0	3.520,0	833,42	21,64%	84,02%
6	Nút Serum	1.000 cái	197,5	234,2	435,0	499,0	57,5	72,72	14,57%	31,06%
	Tổng hợp	1.000 cái	115,0	147,1	230,0	294,0	57,5	72,72	24,73%	49,45%
	Tự nhiên	1.000 cái	82,5	87,1	205,0	205,0	0,0	0,00	0,00%	0,00%
7	Mặt hàng cao su- kim khí khác	1.000 cái	0	0,0	1.000,0	312,0	0,0	0,00	0,00%	0,00%
	Nút ống nghiệm	1.000 cái	0	0,0	1.000,0	312,0	0,0	0,00	0,00%	0,00%
8	Mặt hàng khác			792,3		1.553,0		40,94	2,64%	5,17%
	-Ống thông	1.000 cái	0,7	17,3	7,5	119,0	0,7	10,4	8,71%	59,98%
	-Ống Penrose	1.000 cái	9,5	17,6	37,0	85,0	6,8	18,2	21,42%	103,54%
	-Găng sản	1.000 cái	0,7	12,0	10,0	166,0	0,0	0,0	0,00%	0,00%
	-Gel bôi trơn	1.000 cái	522,4	689,9	700,0	933,0	0,0	0,0		
	-Hàng hóa khác	Tr.đồng		55,6		250,0		12,4		

C - LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện quý I năm 2013	TH quý I 2013 so với	
						Kế hoạch năm 2013	Thực hiện quý I năm 2012
1	Tổng số lao động bình quân	Người	281,00	292,00	287,00	98,3%	102,1%
	- Lao động trực tiếp	Người	234,00	245,00	243,00	99,2%	103,8%
	- Lao động gián tiếp	Người	47,00	47,00	44,00	93,6%	93,6%
2	Tổng quỹ lương SX-KD	Tr.đồng	3.337,27	19.887,00	3.994,00	20,1%	119,7%
	-Bộ phận trực tiếp	Tr.đồng	2.436,55	14.657,00	2.925,00	20,0%	120,0%
	-Bộ phận gián tiếp	Tr.đồng	900,72	5.230,00	1.069,00	20,4%	118,7%
3	Quỹ lương đào tạo	Tr.đồng	27,12	200,00	18,43	9,2%	68,0%
4	Các khoản thu nhập khác	Tr.đồng	1.535,62	3.269,86	2.723,57	83,3%	177,4%
5	Lương BQ/người/tháng	Tr.đồng	11.876,39	68.106,16	13.916,38	20,4%	117,2%
	-Bộ phận trực tiếp	Tr.đ/LĐ	3.470,87	4.985,37	4.012,35	80,5%	115,6%
	-Bộ phận gián tiếp	Tr.đ/LĐ	6.388,07	9.273,05	8.098,48	87,3%	126,8%
6	Tổng thu nhập của CBCNV	Tr.đồng	4.900,01	23.356,86	6.736,00	28,8%	137,5%
	-Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đ/LĐ	5.780,41	6.608,69	7.802,05	118,1%	135,0%
7	Năng suất lao động						
	-NSLĐ 1 CBCNV	Tr.đ/LĐ	38,26	213,68	48,51	22,7%	126,8%
	-NSLĐ của 1 CN TTSX	Tr.đ/LĐ	46,15	254,67	57,40	22,5%	124,4%

Nơi gửi :

HĐQT
Ban TGD
Các đơn vị
Lưu Văn thư

ghi chú: Báo cáo này thay cho BC số' 163 / BC- CT



TỔNG GIÁM ĐỐC *ldg*

Ths.Ks. Phạm Xuân Mai